

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kỳ Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kỳ Anh; Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh địa điểm, quy mô diện tích và loại đất sử dụng một số công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, huyện Kỳ Anh; Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kỳ Anh;

Căn cứ Nghị Quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ từ năm 2023;

Xét đề nghị của UBND huyện Kỳ Anh tại Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 09/8/2023; của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3485/TTr-STMMT ngày 25/8/2023; sau khi lấy Phiếu biểu quyết đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh (qua Phần mềm Điện tử TD).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Kỳ Anh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2023:

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ KHSD đất 2023	Ghi chú	
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
					LUA	RPH	RDD				Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+...+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Đất giao thông	4,49		4,49	1,81			2,68			
1	Nâng cấp, sửa chữa đường trục xã Kỳ Thượng (Đoạn ĐH.145 cũ)	1,28		1,28				1,28	Xã Kỳ Thượng	248	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh
2	Đường gom Quốc lộ 1 đoạn từ đường Đồng Phú đến bờ hồ	0,84		0,84	0,59			0,25	Xã Kỳ Đồng	249	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh
3	Nâng cấp mở rộng đường liên xã LX.09 (Thọ - Thụ) đoạn từ Km1+550 Đến Km2+600	0,35		0,35				0,35	Xã Kỳ Thọ, Kỳ Thụ	250	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh
4	Đường chính khu vực đoạn từ đường đồng phú đến đường 70m (qua khu tái định cư cửa lùm)	1,32		1,32	1,02			0,30	Xã Kỳ Đồng	251	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh
5	Tổ chức giao thông Nút giao thông Quốc lộ 1 - Đường 70 - Đường huyện ĐH.139	0,50		0,50				0,50	Xã Kỳ Đồng	252	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh
6	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường chính trong khu đô thị Kỳ Đồng	0,20		0,20	0,20				Xã Kỳ Đồng	253	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh
II	Đất thủy lợi	1,05		1,05	0,43			0,62			
1	Kênh tiêu thoát lũ khe Đồng Quanh từ cầu Mụ lược đến đập Họ	0,62		0,62	0,43			0,19	Xã Kỳ Thụ	254	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh
2	Kè và đường bờ Bắc sông Trí nối dài đoạn qua xã Kỳ Châu, huyện Kỳ Anh thuộc dự án Phát triển tổng hợp các dự án đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	0,43		0,43				0,43	Xã Kỳ Châu	255	
III	Đất công trình năng lượng	6,53		6,53				6,53			
1	Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (Bổ sung)	6,53		6,53				6,53	Xã Kỳ Tân, Lâm Hợp, Kỳ Tây, Kỳ Trung, Kỳ Giang, Kỳ Tiến, Kỳ Phong	256	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh
IV	Đất thương mại dịch vụ	1,00		1,00	0,98			0,02			
1	Quy hoạch đất thương mại, dịch vụ	1,00		1,00	0,98			0,02	Xã Kỳ Khang	257	
TỔNG = 10 CT,DA		13,07		13,07	3,22			9,85			

2. Tổng hợp số liệu sau khi bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		76.027,89	76.027,89
1	Đất nông nghiệp	NNP	63.065,92	63.052,87
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.619,48	6.616,26
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>5.792,89</i>	<i>5.789,67</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.401,53	3.400,60
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.527,97	6.523,99
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	14.849,43	14.849,43
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	3.928,11	3.928,11
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	26.660,56	26.655,83
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>6.085,08</i>	<i>6.085,08</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	473,73	473,54
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	605,08	605,08
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.986,49	11.999,54
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	242,17	242,17
2.2	Đất an ninh	CAN	4,53	4,53
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	40,00	40,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	62,56	63,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	132,07	132,07
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	111,32	111,32
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	124,74	124,74
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.216,12	8.228,17
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	3.065,02	3.069,49
-	Đất thủy lợi	DTL	4.223,93	4.224,98
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,30	9,30
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,06	10,06
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	100,00	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	86,86	86,86
-	Đất công trình năng lượng	DNL	19,05	25,58
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	3,27	3,27
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,32	1,32
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	60,47	60,47
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	12,06	12,06
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	613,00	613,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	11,78	11,78
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	33,14	33,14
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,12	4,12
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.371,34	1.371,34

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,61	24,61
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,23	3,23
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	17,66	17,66
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	697,90	697,90
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	900,34	900,34
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,65	0,65
3	Đất chưa sử dụng	CSD	975,48	975,48

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh có trách nhiệm:

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Kỳ Anh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh